TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 504/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31- 08 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh;

Ông Lê Văn Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Trương Tấn Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 31 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/04/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/08/2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐHPT-HNGĐ ngày 22/08/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim R**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 21, Ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Chổ ở hiện nay: ẤpPĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh **Phạm Tấn T,** sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 21, Ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị R có mặt; anh T vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 21/03/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Kim R trình bày: Chị và anh Phạm Tấn T chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn do anh chị bận làm ăn, đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Vào đầu năm 2009 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và từ đó cả hai sống ly thân

đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 07/09/1997 và Phạm Tấn L, sinh ngày 30/04/2004. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân được. Không có yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

***** Bị đơn là anh Phạm Tấn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Tấn T đã được tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kim R và anh Phạm Tấn T sống chung với nhau vào năm 1996 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống và cà hai đã sống ly thân hơn 14 năm, nay chị R xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu ly hôn. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật, nhưng không phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị R và không có thể hiện biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị R được ly hôn với anh T. Tuy nhiên, do anh chị sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, nên cần không công nhận chị R và anh T là vợ chồng mới phù hợp khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 07/09/1997 và Phạm Tấn L, sinh ngày 30/04/2004. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các vào các khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Kim R với anh Phạm Tấn T.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Về án phí: chị Nguyễn Kim R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021642 ngày 17/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy chị R đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm